

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **141/2021/DS-ST**

Ngày: 19/5/2021

V/v: *Tranh chấp “Đòi lại tài sản”*.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO - TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoa Kiều

Ông Châu Vũ Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan C Uyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Ngày 19 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp “Đòi lại tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 100/2021/QĐST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị A, sinh năm 1975 (có mặt);

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Nguyễn Tấn B, sinh năm 1971 (có mặt);

Trần Thị Ngọc C, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp M1, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên khoảng năm 2014, chị A có cho vợ chồng anh Nguyễn Tấn B và chị Trần Thị Ngọc C mượn tiền nhiều lần, chị A không nhớ rõ số lần và số tiền mỗi lần mượn, mỗi lần mượn không có biên nhận, có thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, anh B và chị C trả lãi cho chị A đầy đủ. Đến ngày 08/11/2015, anh B và chị C mượn chị C số tiền 50.000.000đồng nên chị A có yêu cầu anh B, chị C viết cho chị biên nhận, cộng tất cả các lần mượn với số tiền 170.000.000đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả tiền 06 tháng. Kể từ ngày viết biên nhận, anh B và chị C ngưng trả lãi cho chị A và anh B, chị C có hứa là trong vòng 6 tháng sẽ vay tiền Ngân hàng trả lại tiền cho chị C nhưng đến hạn trả tiền thì anh B và chị C không trả, mặc dù chị đã nhắc nhở nhiều lần.

Do đó, chị A khởi kiện yêu cầu anh B và chị C liên đới trả cho chị A số tiền 170.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn anh Nguyễn Tấn B trình bày:

Chị Trần Thị Ngọc C là vợ của anh, có đăng ký kết hôn nhưng hiện nay đã ly thân, chị C hiện đang ở đâu thì anh không rõ nhưng vẫn thường xuyên về nhà thăm con.

Theo anh được biết, chị C và chị A quen biết nhau nên chị C có mượn tiền chị A nhiều lần nhưng chị C mượn tiền để làm gì thì anh không biết. Lâu lâu chị C có nhờ anh đi đưa tiền cho chị A nhưng anh không biết đưa tiền gì và anh cũng không hỏi.

Khoảng năm 2015, chị A đến nhà đòi tiền và lớn tiếng, chị A yêu cầu anh ký tên vào biên nhận nợ với số tiền 170.000.000đồng, do sợ ảnh hưởng đến gia đình nên anh có đến nhà chị A viết biên nhận và ký tên vào biên nhận. Nội dung, chữ ký và chữ viết họ tên Nguyễn Tấn B trong biên nhận nợ ngày 08/11/2015 do chị A cung cấp cho Tòa án là của anh viết và ký. Tuy nhiên anh hoàn toàn không có mượn chị A số tiền này, anh có hỏi chị C thì chị C nói với anh số tiền 170.000.000đồng theo biên nhận nợ gồm vốn, lãi nhưng anh cũng không biết cụ thể mỗi khoảng là bao nhiêu.

Nay anh đồng ý cùng chị C trả cho chị A số tiền 170.000.000đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên anh xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi hết nợ.

Bị đơn chị Trần Thị Ngọc C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị C không đến tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Nguyễn Tấn B thừa nhận anh và chị C còn nợ chị A số tiền 170.000.000đồng, chữ viết và chữ ký trong Giấy mượn tiền ngày 08/11/2015 mà chị A cung cấp cho Tòa án là do anh viết và ký tên. Tuy nhiên, hiện hoàn cảnh kinh tế gia đình quá khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi hết nợ; Nguyên đơn chị A không đồng ý cho anh B, chị C trả dần mỗi tháng 1.000.000đồng.

Bị đơn chị Trần Thị Ngọc C vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Xét quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết; Sự có mặt, vắng mặt của đương sự; Thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện; Thời hạn, thời hiệu, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị A thì chị A có cho anh B, chị C vay tiền nhiều lần, ngày 08/11/2015 hai bên chốt nợ, khi đó anh B, chị C còn nợ chị A số tiền 170.000.000đồng và từ đó cho đến nay anh B, chị C chưa trả cho chị A, tính đến ngày 08/11/2018 là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ vào khoản 3 Điều 23 của Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012, Tòa án xác định đây là tranh chấp “Đòi lại tài sản” nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện; căn cứ Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Xét trong quá trình thụ lý vụ án, hòa giải và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn Trần Thị Ngọc C theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng chị C vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị C.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị A, Tòa án nhận định: Từ năm 2014 đến năm 2015 chị A có cho anh Nguyễn Tấn B và chị Trần Thị Ngọc C vay nhiều lần tiền, hai bên không lập hợp đồng vay, chỉ thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng và anh B, chị C có trả tiền lãi đầy đủ cho chị A. Do đó, có đủ cơ sở xác định giữa chị A với anh B, chị C đã xác lập một hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005. Đến ngày 08/11/2015, hai bên chốt nợ theo đó anh B và chị C còn nợ chị A 170.000.000đồng, sau khi hai bên chốt nợ anh B và chị C không trả cho chị A khoản tiền nào. Nên chị A khởi kiện yêu cầu anh B và chị C trả cho chị A 170.000.000đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình chị A có cung cấp cho Tòa án Giấy mượn tiền do anh B viết, anh B và chị A ký tên. Tại biên bản hòa giải ngày 31/3/2021 anh B cũng thừa nhận nội dung, chữ ký và chữ viết họ tên Nguyễn Tấn B trong Giấy mượn tiền ngày 08/11/2015 do chị A cung cấp cho Tòa án là do anh B viết và ký tên.

Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Trần Thị Ngọc C nhưng chị C vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu này của chị A. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì xem như chị C không có phản đối gì đối với yêu cầu của chị A.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xác định anh B và chị C còn nợ chị A số tiền 170.000.000đồng và chưa trả số tiền này cho chị A. Do đó cần buộc anh B, chị C có nghĩa vụ trả số tiền 170.000.000đồng cho chị A.

Đối với yêu cầu tính lãi: Ghi nhận sự tự nguyện của chị A không yêu cầu anh B, chị C trả tiền lãi.

[3] Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị A về việc yêu cầu anh Nguyễn Tấn B, chị Trần Thị Ngọc C có nghĩa vụ trả số tiền 170.000.000 đồng, thời gian trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của chị A về thời gian trả tiền là có cơ sở, bởi vì anh B, chị C đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho chị A nên đã xâm

phạm đến quyền lợi của chị A. Do đó cần buộc anh B, chị C có nghĩa vụ trả số tiền 170.000.000 đồng cho chị A khi án có hiệu lực pháp luật;

Về án phí: Do yêu cầu của chị Nguyễn Thị A được Hội đồng xét xử chấp nhận nên anh Nguyễn Tấn B và chị Trần Thị Ngọc C phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 35, 92, 147, 220, 227, 228, 233, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 429, điểm c và điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Điều 280, Điều 290, Điều 305 của Bộ luật dân sự năm 2005.

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 23 của Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị A.

Buộc anh Nguyễn Tấn B và chị Trần Thị Ngọc C có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị A số tiền 170.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Tấn B và chị Trần Thị Ngọc C không trả số tiền trên thì hàng tháng anh Nguyễn Tấn B và chị Trần Thị Ngọc C phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất cơ bản của ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Tấn B và chị Trần Thị Ngọc C phải chịu 8.500.000 đồng (*Tám triệu năm trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị A 4.250.000 đồng (*Bốn triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004622 ngày 25/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn Trần Thị Ngọc C vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Lĩnh